

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2017/HSST

Ngày: 22/9/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH QUẢNG NINH

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Giang Thanh

Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Nhi và ông Hoàng Minh Đức

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Triệu Sinh Thủy - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện H

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Bà Bé Minh Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2017, tại Nhà văn hóa thôn X, xã Y, huyện H, tỉnh Quảng Ninh, Tòa án nhân dân huyện H, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 17/2017/HSST ngày 30/8/2017, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Đỗ Văn B**, sinh ngày 06 tháng 9 năm 1993. Đăng ký NKTT và chỗ ở: Thôn X, xã Y, huyện H, tỉnh Quảng Ninh. Nghề nghiệp: Không. Trình độ văn hóa: lớp 12/12. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Họ và tên bố: **Đỗ Văn A**, sinh năm 1969. Họ và tên mẹ: **Trần Thị H**, sinh năm 1970. Chưa có vợ, con. Bị cáo đầu thú ngày 06/7/2017. Tiền án, tiền sự: chưa. Nhân thân: Ngày 08/5/2013 bị TAND thành phố Hạ Long xử phạt 09 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản”, đến ngày 30/4/2014 chấp hành xong hình phạt tù về địa phương. Hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ công an huyện H. Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Quản Thế T**, sinh ngày 11 tháng 11 năm 1992. Đăng ký NKTT và chỗ ở: Thôn X, xã Y, huyện H, tỉnh Quảng Ninh. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ văn hóa: lớp 9/12. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Họ và tên bố: **Quản Văn T₁** (đã chết). Họ và tên mẹ: **Trần Thị L**, sinh năm 1963. Chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: Chưa. Nhân thân: Ngày 28/3/2011 bị TAND tỉnh Quảng Ninh xử phạt 09 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản”; đến ngày 05/6/2012 chấp hành xong hình phạt tù về địa phương. Ngày 26/11/2013 bị TAND thành phố Hạ Long xử phạt 24 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản”, đến ngày 28/6/2015 chấp hành xong hình phạt tù về địa phương. Bị cáo đầu thú ngày 06/7/2017, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện H, có mặt tại phiên tòa.

** Nguyên đơn dân sự: Công ty cổ phần C*

Địa chỉ: phường C, thành phố L, tỉnh Quảng Ninh

Người đại diện hợp pháp: Ông Vũ Văn T₂ - Chức vụ: Giám đốc

Vắng mặt tại phiên tòa (Có đơn xin vắng mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nghiêm Xuân T₃, sinh năm 1987
Địa chỉ: Thôn X, xã Y, huyện H, tỉnh Quảng Ninh
Vắng mặt tại phiên tòa (Có đơn xin vắng mặt)
2. Ông Đỗ Văn A, sinh năm 1969
Địa chỉ: Thôn X, xã Y, huyện H, tỉnh Quảng Ninh
Vắng mặt tại phiên tòa (Có đơn xin vắng mặt)
3. Anh Đỗ Tiến N, sinh năm 1991
Địa chỉ: Thôn X, xã Y, huyện H, tỉnh Quảng Ninh
Vắng mặt tại phiên tòa (Có đơn xin vắng mặt)

NHẬN THẤY

Các bị cáo Đỗ Văn B và Quản Thế T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Ninh truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 07 giờ ngày 05/7/2017, Đỗ Văn B điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, biển kiểm soát (BKS) 14S1 - 9339 đến nhà Quản Thế T rủ T đi xem có nhà ai sơ hở thì trộm cắp tài sản để bán lấy tiền ăn tiêu, T đồng ý. Khi đi B điều khiển xe mô tô còn T ngồi sau. Cả hai đi qua xưởng cơ khí của Công ty cổ phần C đóng tại thôn Đ, xã Y, huyện H, tỉnh Quảng Ninh thì T quan sát thấy trong xưởng có một chiếc máy cắt và xưởng không có người trông coi. T bảo B quay xe lại xem có lấy được chiếc máy cắt không. Khi B quay xe lại và đỗ trước cổng của xưởng cơ khí Công ty cổ phần C, còn T đi vào trong xưởng lấy một chiếc máy cắt nhãn hiệu MAKITA 2414 NB bê ra ngoài rồi cả hai mang về nhà B ở thôn X, xã Y, huyện H cất giấu. Khoảng 14 giờ cùng ngày, B lấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, BKS 14V1 - 081.02 chở T cùng chiếc máy cắt trộm cắp được mang đến nhà anh Trần Văn H₁ ở cùng thôn với B và T gạ bán nhưng anh H₁ không mua, sau đó B và T đem bán cho anh Nghiêm Xuân T₃ ở thôn X, xã Y, huyện H được 800.000đ (tám trăm nghìn đồng). Số tiền bán chiếc máy cắt được B và T chia nhau mỗi người 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng) và ăn tiêu hết.

Ngày 06/7/2017 anh Nghiêm Xuân T₃ giao nộp chiếc máy cắt nhãn hiệu MAKITA 2414 NB cho Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện H.

Tại bản kết luận định giá số 13/KL-HĐĐG ngày 06/7/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện H kết luận: Chiếc máy cắt nhãn hiệu MAKITA 2414NB, do Nhật Bản sản xuất, giá trị còn lại là 2.646.000đ (hai triệu, sáu trăm bốn mươi sáu nghìn đồng). Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện H đã trả lại chiếc máy cắt cho Công ty cổ phần C, Công ty không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận có hành vi trộm cắp chiếc máy cắt như cáo trạng đã mô tả.

Đại diện Công ty cổ phần C có lời khai nội dung: Vào khoảng 07 giờ 30 phút ngày 05/7/2017, tại xưởng cơ khí của công ty (tại thôn Đ, xã Y, huyện H, tỉnh Quảng Ninh) đã bị kẻ gian lợi dụng công nhân xưởng đi ăn sáng vào trộm cắp 01 (một) chiếc máy cắt hiệu MAKITA là công cụ làm việc của xưởng (BL 44- 55). Sau đó Công ty đã trình báo công an; đến ngày 15/8/2017 Công ty đã được Cơ

quan cảnh sát điều tra công an huyện H giao lại chiếc máy cắt trên, Công ty không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại gì khác (BL 46- 52).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nghiêm Xuân T₃ có lời khai nội dung: Vào khoảng 15 giờ ngày 05/7/2017, anh có mua 01 (một) chiếc máy cắt nhãn hiệu MAKITA 2414NB của các bị cáo với giá 800.000đ (tám trăm nghìn đồng) để sử dụng. Khi mua anh không biết nguồn gốc do các bị cáo chiếm đoạt mà có. Đến ngày 06/7/2017 anh đã giao nộp chiếc máy cắt trên cho cơ quan công an huyện H. Anh không yêu cầu các bị cáo phải trả lại anh số tiền 800.000đ đã mua chiếc máy cắt (BL 63-67). Anh Đỗ Tiến N (là anh trai bị cáo Đỗ Văn B) có lời khai nội dung: Anh có mua chiếc xe mô tô BKS 14S1 - 9339 của một người không quen biết với giá rẻ để sử dụng. Vào ngày 05/7/2017 anh để xe mô tô ở nhà và đi làm, anh không được biết bị cáo B đã lấy xe mô tô đi đâu, làm gì (BL 58, 59). Ông Đỗ Văn A (là bố bị cáo Đỗ Văn B) có lời khai nội dung: Ông là chủ sở hữu của chiếc xe mô tô BKS 14V1 - 081.02, chiếc xe vẫn để mọi người trong gia đình sử dụng chung. Vào ngày 05/7/2017 bị cáo B lấy xe đi sử dụng ông không được biết (BL 68, 69).

Người làm chứng anh Trần Văn H₁ có lời khai: Khoảng 14 giờ ngày 05/7/2017 các bị cáo có chở chiếc máy cắt đến nhà anh và hỏi anh có mua không. Do không có nhu cầu sử dụng nên anh trả lời là không mua. Sau đó bị cáo T xin số điện thoại và gọi nhờ điện thoại của anh cho anh Nghiêm Xuân T₃ là người cùng làm nghề cắt nhôm kính như anh để giao dịch bán máy cắt. Một lúc sau anh T₃ đến nhà anh mua chiếc máy cắt của các bị cáo với giá 800.000đ (tám trăm nghìn đồng). Anh cũng không được biết nguồn gốc chiếc máy cắt do các bị cáo chiếm đoạt mà có (BL 61, 62).

Tại bản ảnh hiện trường đã chụp lại hiện trường nơi các bị cáo trộm cắp chiếc máy cắt là xưởng cơ khí của Công ty cổ phần C, địa chỉ: Thôn Đ, xã Y, huyện H; bản ảnh vật chứng đã chụp lại hình ảnh chiếc máy cắt nhãn hiệu MAKITA 2414NB do các bị cáo chiếm đoạt (BL 31- 39). Tại Biên bản nhận dạng người qua video do Công ty cổ phần C cung cấp các bị cáo đã nhận ra địa điểm và hình ảnh các bị cáo trong đoạn video (BL 48 – 51).

Tại Cáo trạng số 17/KSĐT- HS ngày 28/8/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H đã truy tố các bị cáo Đỗ Văn B và Quản Thế T về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7; khoản 2 Điều 70 Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Đỗ Văn B từ 12 (mười hai) đến 15 (mười lăm) tháng tù; xử phạt bị cáo Quản Thế T từ 09 (chín) đến 12 (mười hai) tháng tù.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi đã thực hiện như cáo trạng truy tố, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại về thời gian, địa điểm xảy ra vụ án và hành vi bị cáo đã thực hiện. Lời khai của bị cáo cũng phù hợp với lời khai của những người làm chứng. Bản ảnh hiện trường và bản ảnh vật chứng cũng đã thể hiện hiện trường nơi bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Vật chứng thu giữ Công ty C xác định đúng là tài sản Công ty bị mất. Vì vậy đủ cơ sở khẳng định: Khoảng 7 giờ 30 phút ngày 05/7/2017, tại thôn Đ, xã Y, huyện H, tỉnh Quảng Ninh, các bị cáo Đỗ Văn B và Quản Thế T đã có hành vi trộm cắp 01 (một) chiếc máy cắt nhãn hiệu MAKITA 2414NB, trị giá 2.646.000đ tại xưởng cơ khí của Công ty cổ phần C.

Hành vi của các bị cáo đã phạm tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự, như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện H đã truy tố đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội, có căn cứ pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản của người khác là khách thể được pháp luật Nhà nước ta bảo vệ. Các bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội; thực hiện hành vi phạm tội giữa ban ngày, lợi dụng sơ hở của người quản lý tài sản, thể hiện sự liều lĩnh, táo tợn. Sau khi phạm tội đã bán tài sản lấy tiền ăn tiêu hết. Nhân thân các bị cáo đều đã có tiền án đã được xóa án tích, không lấy đó làm bài học cảnh tỉnh bản thân mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, thể hiện các bị cáo là những đối tượng coi thường pháp luật, khó giáo dục cải tạo. Hành vi phạm tội của các bị cáo không chỉ gây thiệt hại về tài sản của Công ty mà còn ảnh hưởng đến tiến độ sản xuất, uy tín của công ty, gây mất an ninh trật tự ở địa phương, vì vậy cần xử lý nghiêm nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung; đáp ứng công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Xét vai trò của các bị cáo: Bị cáo B là người khởi xướng, rủ bị cáo T đi tìm sơ hở để trộm cắp tài sản, cùng T thực hiện hành vi trộm cắp máy cắt. Bị cáo B cũng là người chuẩn bị phương tiện xe mô tô để đi tìm sơ hở và đi tiêu thụ tài sản. Bị cáo T tiếp nhận ý chí từ bị cáo B, tích cực thực hiện hành vi trộm cắp cùng bị cáo B. Vì vậy bị cáo B có vai trò đầu và có mức hình phạt cao hơn bị cáo T.

Tại khoản 2 Điều 70 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định về điều kiện xóa án tích, quy định này có lợi cho bị cáo về việc tính thời hạn xóa án tích so với quy định tại Điều 66 Bộ luật hình sự năm 1999, nên bị cáo T được hưởng quy định có lợi này, theo khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự và Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo sau khi phạm tội ra đầu thú, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật Nhà nước ta.

Về trách nhiệm dân sự: Công ty cổ phần C đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại nên không đề cập xem xét.

Số tiền 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng) mỗi bị cáo được hưởng do bán chiếc máy cắt trộm cắp được, đã ăn tiêu hết, cần truy thu sung quỹ Nhà nước.

Vật chứng của vụ án: Chiếc máy cắt đã trả lại cho chủ sở hữu, nên không đề cập xem xét; 01 (một) chiếc USB do Công ty cổ phần C giao nộp là thiết bị ghi lại hình ảnh video, là tài liệu điều tra vụ án cần tiếp tục lưu hồ sơ vụ án.

Về án phí hình sự: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Các bị cáo **Đỗ Văn B** và **Quản Thế T** phạm tội: “**Trộm cắp tài sản**”

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo **Đỗ Văn B** 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06/7/2017.

Xử phạt bị cáo **Quản Thế T** 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06/7/2017.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự;

Truy thu của các bị cáo **Đỗ Văn B** và **Quản Thế T** mỗi bị cáo 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng) để sung quỹ Nhà nước.

Áp dụng khoản 1, 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết quy định về án phí, lệ phí tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện H;
- Công an huyện H;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Bị cáo; người bị hại; người có QL&NV liên quan;
- Thi hành án;
- Lưu.

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Giang Thanh